

Số: 679/BC-UBND

Phường Lý Văn Lâm, ngày 09 tháng 7 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2026 (sau thẩm tra)

Thực hiện Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 19/12/2025 của Hội đồng nhân dân phường về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội phường Lý Văn Lâm năm 2026. Ủy ban nhân dân phường báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2026, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG, TIÊU CỰC

1. Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong phạm vi trách nhiệm của địa phương; việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

a) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực luôn được Thường trực Đảng ủy, lãnh đạo Ủy ban nhân dân phường quan tâm chỉ đạo thực hiện nghiêm túc. Các phòng chuyên môn và đơn vị trực thuộc chủ động triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao, bảo đảm đồng bộ, kịp thời và hiệu quả.

Việc tuyên truyền, quán triệt các quy định về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được thực hiện bằng nhiều hình thức phù hợp như: thông qua các hội nghị, cuộc họp giao ban, sinh hoạt cơ quan, sinh hoạt chi bộ; đăng tải trên Trang thông tin điện tử của phường, hệ thống quản lý văn bản điện tử và các kênh thông tin nội bộ, góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong quá trình thực thi công vụ.

Trên cơ sở Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Ủy ban nhân dân phường đã ban hành Kế hoạch công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2026; đồng thời chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc xây dựng và triển khai kế hoạch phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị. Quá trình thực hiện thường xuyên được theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, kịp

thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bảo đảm các nhiệm vụ về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được triển khai đúng quy định và đạt hiệu quả¹.

b) Công tác chỉ đạo, triển khai, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các nhiệm vụ, chương trình công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

UBND phường thường xuyên chỉ đạo công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, cụ thể hóa các chủ trương, chính sách, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về kiểm soát quyền lực trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các nhiệm vụ, chương trình công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, tích cực, thống nhất có hiệu quả từ nhận thức đến hành động của cán bộ, công chức, viên chức gắn với thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 30/10/2016 Hội Nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về “*Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”, góp phần giáo dục đạo đức liêm chính, ngăn chặn suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, công chức, viên chức.

Bên cạnh đó, chỉ đạo tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống theo quy định đối với cán bộ, công chức, viên chức khi thực hiện nhiệm vụ có liên quan đến tội phạm tham nhũng, tội phạm khác vì vụ lợi; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát ở các lĩnh vực nhạy cảm, dễ xảy ra tham nhũng nhằm phòng ngừa, phát hiện, xử lý các vụ việc tiêu cực, tham nhũng nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan, đơn vị².

c) Việc tổng kết, đánh giá, rà soát và lập danh mục những quy định pháp luật còn thiếu, sơ hở, dễ bị lợi dụng để tham nhũng, qua đó tự mình hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp

Ủy ban nhân dân phường thường xuyên chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tổ chức rà soát, đánh giá việc thực hiện các quy định của pháp luật trong quá trình thực thi công vụ, nhất là đối với các lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng, tiêu cực như quản lý tài chính, ngân sách, đầu tư công, đất đai, xây dựng, mua sắm công và quản lý tài sản công. Qua công tác rà soát, kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện để kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, hướng dẫn hoặc xử lý theo quy định.

¹ Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 27/01/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường về đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực giai đoạn 2026-2030; Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 30/01/2026c của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2026; Kế hoạch số 01/KH-VP của Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường về thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2026.

² Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 02/02/2026 của Ủy ban nhân dân phường về kiểm soát xung đột lợi ích năm 2026.

Đến thời điểm báo cáo, Ủy ban nhân dân phường chưa phát hiện quy định pháp luật nào còn thiếu, chồng chéo hoặc có sơ hở, bất cập đến mức có thể bị lợi dụng để thực hiện hành vi tham nhũng, tiêu cực, cần kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung. Trong thời gian tới, UBND phường sẽ tiếp tục tăng cường công tác rà soát, chủ động phản ánh, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định chưa phù hợp (nếu phát sinh), góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật và nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

d) Tổ chức, bộ máy, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tình hình hoạt động của các cơ quan chuyên trách về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

Tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân phường phân công chuyên viên kiêm nhiệm thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

đ) Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

Ủy ban nhân dân phường đã triển khai công tác quán triệt, tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực bằng nhiều hình thức phù hợp. Nội dung tuyên truyền được lồng ghép trong các hội nghị triển khai nhiệm vụ, các cuộc họp giao ban, sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt cơ quan, các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật³.

Đồng thời, công tác tuyên truyền được thực hiện thông qua hoạt động kiểm tra, giám sát, tự kiểm tra nội bộ; đăng tải các văn bản chỉ đạo, quy định của pháp luật trên hệ thống quản lý văn bản, Trang thông tin điện tử phường, nhóm trao đổi công việc của cơ quan; tuyên truyền thông qua các tổ chức đoàn thể nhằm nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Bên cạnh đó, người đứng đầu cơ quan, đơn vị thường xuyên quán triệt việc thực hiện các quy tắc ứng xử, chuẩn mực đạo đức công vụ, nâng cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên; gắn việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực với việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, cải cách hành chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chuyển đổi số, góp phần nâng cao hiệu quả phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực.

2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

a) Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động

** Về công tác tổ chức cán bộ*

³ Triển khai tại cuộc họp Ủy ban nhân dân phường: 01 cuộc, 68 lượt cán bộ, công chức tham dự.

Việc thực hiện các quy định về công khai quy hoạch, kế hoạch, tổ chức thực hiện đào tạo, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chuyển ngạch, luân chuyển, điều động, cho thôi việc đảm bảo đúng quy trình theo quy định.

** Về công tác tài chính*

Thực hiện việc công khai, minh bạch chính sách, quy trình, thủ tục giải quyết công việc, gắn với cải cách thủ tục hành chính đúng quy định; công khai việc quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản công, phân bổ dự toán, phân cấp nguồn thu, công khai các chế độ, định mức, tiêu chuẩn. Hình thức công khai theo đúng quy định như: thông báo tại các cuộc họp, niêm yết tại trụ sở, công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, cung cấp thông tin khi có yêu cầu...nhất là các lĩnh vực liên quan đến người dân, doanh nghiệp, cũng như trong việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản của Nhà nước.

b) Kết quả xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ

Ủy ban nhân dân phường thực hiện xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản công theo Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính chế độ công tác phí, chế độ hội nghị đảm bảo theo quy định⁴.

Việc thực hiện các tiêu chuẩn, định mức, chế độ của Ủy ban nhân dân phường áp dụng theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn

Tiếp tục triển khai tại đơn vị thực hiện các quy định như: Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg ngày 02/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước, Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 5/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp và Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV ngày 26/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức làm việc trong bộ máy hành chính các cấp⁵.

Nhìn chung, việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức đã có chuyển biến tích cực; phong cách ứng xử trong hoạt động giao tiếp và thực thi công vụ giữa cán bộ, công chức, viên chức với công dân đã được nâng lên.

d) Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn

⁴ Ủy ban nhân dân phường ban hành Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 15/9/2025 ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý và sử dụng tài sản công.

⁵ Ủy ban nhân dân phường ban hành nội quy cơ quan tại Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 29/7/2025.

Ủy ban nhân dân phường chưa thực hiện chuyển đổi vị trí công tác năm 2026 (đã giao phòng Văn hoá - Xã hội phường tham mưu xây dựng Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác trình UBND phường ban hành đảm bảo đúng quy định).

đ) Kết quả thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt

** Việc thực hiện cải cách hành chính*

Công tác cải cách hành chính tiếp tục được lãnh đạo phường Lý Văn Lâm quan tâm chỉ đạo thường xuyên, quyết liệt. UBND phường Lý Văn Lâm tiếp tục triển khai, thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh về công tác cải cách hành chính trên địa bàn.

Thực hiện niêm yết công khai địa chỉ cơ quan, công khai số điện thoại của lãnh đạo, số điện thoại đường dây nóng, trang thông tin điện tử phường..., qua đó nhằm kịp thời xử lý những phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức có khó khăn, vướng mắc về thủ tục hành chính. Trung tâm phục vụ hành chính công phường tiếp tục phát huy hiệu quả tích cực, điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc được trang bị cơ bản đáp ứng nhu cầu.

Thực hiện có hiệu quả quy trình “04 tại chỗ” (gồm tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt và trả kết quả) trong giải quyết thủ tục hành chính.

** Việc tăng cường áp dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, điều hành hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị*

Ủy ban nhân dân phường tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần qua ứng dụng Dịch vụ công Cà Mau để thực hiện thủ tục hành chính trên các thiết bị thông minh, không cần trực tiếp đến trực tiếp để thực hiện thủ tục hành chính.

Đảm bảo 100% cán bộ, công chức, viên chức tại đơn vị đăng ký tài khoản dịch vụ công quốc gia, gương mẫu đi đầu khi có nhu cầu thực hiện các thủ tục hành chính bằng hình thức trực tuyến; chỉ đạo 100% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đều phải có tài khoản định danh điện tử VNeID (mức độ 2); thực hiện tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm quản lý văn bản và điều hành (iOffice) trong xử lý công việc giữa các cơ quan, đơn vị và xử lý văn bản đi đến.

** Việc đổi mới phương thức thanh toán, trả lương qua tài khoản*

Ủy ban nhân dân phường đã chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc việc thanh toán tiền lương, phụ cấp và các khoản thu nhập có tính chất lương qua tài khoản đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo đúng quy định của Nhà nước. Việc chi trả qua tài khoản được thực hiện đầy đủ, kịp thời, chính xác, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý tài chính, bảo đảm công khai, minh bạch và hạn chế việc sử dụng tiền mặt trong thanh toán.

Cùng với đó, việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng tiếp tục được đẩy mạnh, góp phần xây dựng nền tài chính điện tử, từng bước hình thành nền tài chính số hiện đại, minh bạch và hiệu quả. Công tác thanh toán không dùng tiền mặt được triển khai rộng rãi trong hoạt động của cơ quan. Các khoản chi trả, thanh toán dịch vụ như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, tiền điện, nước, viễn thông, học phí, viện phí và các khoản thanh toán khác đều được thực hiện chủ yếu thông qua hình thức chuyển khoản hoặc các phương thức thanh toán điện tử theo quy định.

e) Kết quả thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn

Thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị. Ủy ban nhân dân phường đã triển khai đến toàn bộ cán bộ, công chức, viên chức thuộc đối tượng kê khai tài sản, thu nhập theo quy định.

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

a) Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động giám sát, kiểm tra và tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý

Trong kỳ báo cáo, qua hoạt động kiểm tra, tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa phát hiện vụ việc có dấu hiệu tham nhũng, tiêu cực.

b) Kết quả công tác thanh tra và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra: Không có.

c) Kết quả xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng; việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng và qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo

Qua xem xét phản ánh, tố cáo về hành vi tham nhũng và công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân phường chưa phát hiện vụ việc có dấu hiệu về hành vi tham nhũng.

d) Kết quả rà soát, phát hiện tham nhũng qua các hoạt động khác: Không có.

đ) Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng tiêu cực đối với tiền vụ án tham nhũng tiêu cực: Trong niên độ báo cáo, không có thu hồi tài sản tham nhũng, tiêu cực.

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

1. Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Công tác thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK,CLP) được Lãnh đạo Ủy ban nhân dân phường xác định là nhiệm vụ trọng tâm trong công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành thường xuyên của cơ quan.

Ban hành nội quy làm việc, quy chế chi tiêu nội bộ cắt giảm tối đa các khoản chi không cần thiết đồng thời tiết kiệm chi phí phát sinh, chi phí hội nghị và tiếp khách.

Thực hiện quy định của pháp luật về THTK,CLP và các Nghị quyết, Chỉ thị của Trung ương Đảng, Chính phủ cũng như các văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, đơn vị đã thực hiện tốt công tác THTK,CLP trong phạm vi quản lý của mình, như tiết kiệm văn phòng phẩm, chi phí đi công tác, tiết kiệm chi phí điện, cước điện thoại, thông tin liên lạc, chi phí tiếp khách, chi phí phát sinh khác.

2. Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

2.1. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn chế độ

a) Trong việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ

Ủy ban nhân dân phường đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị xây dựng và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công theo đúng quy định, làm cơ sở để quản lý, sử dụng kinh phí và tài sản công bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm và hiệu quả. Việc thực hiện các chế độ, tiêu chuẩn, định mức được triển khai theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị và chi tiếp khách trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Việc mua sắm, trang bị, quản lý và sử dụng tài sản công tại các cơ quan, đơn vị được thực hiện đúng tiêu chuẩn, định mức theo quy định tại Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14/6/2025 của Thủ tướng Chính. Công tác quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện chặt chẽ, đúng mục đích, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả; không phát hiện trường hợp mua sắm, trang bị hoặc sử dụng tài sản công vượt tiêu chuẩn, định mức, chế độ theo quy định. Đồng thời, việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các định mức, tiêu chuẩn, chế độ được duy trì thường xuyên, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng ngân sách và phòng ngừa tham nhũng, lãng phí trong hoạt động của cơ quan, đơn vị.

b) Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

Việc xây dựng dự toán thu, chi ngân sách được thực hiện đúng quy định của pháp luật, bảo đảm bám sát các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự

toán ngân sách nhà nước và khả năng cân đối nguồn lực của địa phương. Công tác phân bổ, giao dự toán ngân sách đầu năm được thực hiện kịp thời, đúng quy định, góp phần thực hành tiết kiệm ngay từ khâu lập và phân bổ dự toán. Việc quản lý, điều hành và sử dụng ngân sách được thực hiện chặt chẽ, đúng mục đích, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm. Đồng thời, Ủy ban nhân dân phường đã thực hiện quyết toán ngân sách năm 2025 đúng trình tự, thủ tục và thời gian theo quy định của pháp luật.

Việc quản lý sử dụng vốn các chương trình mục tiêu quốc gia theo đúng mục tiêu, đảm bảo đúng tiến độ, tiết kiệm, hiệu quả. Đảm bảo chi ngân sách nhà nước tiết kiệm, hiệu quả và theo đúng dự toán được Hội đồng nhân dân phường quyết nghị.

c) Thực hiện tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, chuẩn bị cho việc nhập và quản lý tài sản theo quy định sau khi sáp nhập đảm bảo thực hiện đúng quy định.

d) Trong đầu tư xây dựng cơ bản

Công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản được thực hiện đúng quy định của pháp luật về đầu tư công và xây dựng. Việc lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ, thủ tục đầu tư các dự án, công trình được triển khai đúng trình tự, bảo đảm đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với quy hoạch và nhu cầu phát triển của địa phương, bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, không để tồn đọng vốn, góp phần hạn chế đầu tư dàn trải, phòng ngừa thất thoát, lãng phí và nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước.

Trong 6 tháng đầu năm triển khai thực hiện 8 dự án, công trình trên địa bàn (đã hoàn thành 2 dự án, công trình; còn lại 6 dự án, công trình đang triển khai) với tổng mức đầu tư khoảng 36,173 tỷ đồng⁶.

Tổng chi ngân sách địa phương trong 6 tháng đầu năm 2026 thực hiện 131,728 tỷ đồng/157,967 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 83,39%. Công tác đầu tư công đạt kết quả giải ngân 6 tháng là 28,292 tỷ đồng/43,100 tỷ đồng, đạt 65,64% kế hoạch vốn. Hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông tiếp tục được đầu tư nâng cấp với 11.896m lộ giao thông được xây dựng mới trên mục tiêu 20.000 m, đạt 59,48% kế hoạch.

đ) Trong quản lý, khai thác và sử dụng đất, tài nguyên thiên nhiên

⁶ 02 dự án, công trình hoàn thành, gồm: Sơn vạch kẻ đường và dây phân cách các tuyến đường nội ô trên địa bàn phường Lý Văn Lâm và Duy tu, sửa chữa các tuyến đường nội ô trên địa bàn phường Lý Văn Lâm.

06 dự án, công trình đang triển khai thực hiện, gồm: Sửa chữa, cải tạo nhà vệ sinh trường TH Tân Hưng và trường TH phường 8/1; Nâng cấp, mở rộng đường giao thông tuyến Lễ Quyền, phường Lý Văn Lâm; Nâng cấp, mở rộng đường giao thông tuyến Bà Cai (từ cầu Kênh Lãng đến giáp ranh khóm Giao Vàm); Duy tu, sửa chữa tuyến đường Nguyễn Công Trứ và đường 19/5, phường Lý Văn Lâm; Đầu tư mới hệ thống nước uống sạch cho các điểm trường trên địa bàn phường Lý Văn Lâm; Xây dựng mới nhà làm việc các phòng ban.

Thực hiện kiểm tra, thống kê lại đất đai và mục đích sử dụng đất để có kế hoạch quy hoạch, thu hồi và sử dụng đất đúng mục đích, có hiệu quả, không gây lãng phí đất đai.

e) Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động

Trong đào tạo sau khi sáp nhập và rà soát hiện tại công chức viên chức phường chưa có nhu cầu đào tạo, qua rà soát các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập của phường, Số lượng hiện có đến thời điểm báo cáo là 390 biên chế, trong đó:

- 61 cán bộ, công chức (cán bộ 06 người, công chức 55 người).
- Viên chức 327 biên chế (bao gồm Giáo dục 287, Y tế 30, TT Công ích 10).
- Hợp đồng lao động dài hạn Trung tâm công ích: 02 (khuyến nông)

Để tăng cường quản lý, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, Ủy ban nhân dân phường đã ban hành Nội quy cơ quan theo Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 29/7/2025, Kế hoạch kiểm tra công vụ của UBND phường, làm cơ sở quản lý chặt chẽ thời giờ làm việc, nâng cao trách nhiệm, tăng cường kiểm tra, giám sát chất lượng và bảo đảm hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2.2. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan

Việc sửa chữa phương tiện đi lại và mua sắm trang thiết bị làm việc được thực hiện đúng đối tượng, bảo đảm đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ, không vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ theo quy định của Nhà nước. Việc mua sắm mới, thay thế, bổ sung trang thiết bị được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định hiện hành. Đối với các loại tài sản, trang thiết bị thuộc danh mục mua sắm tập trung theo quy định của UBND tỉnh, đơn vị thực hiện đăng ký mua sắm tập trung bảo đảm đúng quy định, công khai, minh bạch và tiết kiệm.

III. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

1. Ưu điểm

Nhận thức sâu sắc về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp đến nay, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị phát huy vai trò, trách nhiệm nêu gương, trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm

về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tại đơn vị; chủ động triển khai các biện pháp phòng ngừa, kịp thời phát hiện, xử lý hoặc phối hợp xử lý các vụ việc có dấu hiệu tham nhũng, tiêu cực theo đúng quy định.

Các giải pháp phòng ngừa tham nhũng được các cơ quan, đơn vị quan tâm triển khai thực hiện đồng bộ. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các quy định của pháp luật, nhất là Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013 được thực hiện gắn với nhiệm vụ chính trị, việc thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức, nhất là ở các lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh tiêu cực và được dư luận xã hội quan tâm.

2. Hạn chế

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tuy được quan tâm triển khai nhưng chưa được thực hiện thường xuyên; nội dung, hình thức tuyên truyền chưa thật sự phong phú. Việc xây dựng và triển khai kế hoạch phòng, chống tham nhũng ở một số đơn vị còn mang tính hình thức, hiệu quả chưa cao; công tác tự kiểm tra, tự phát hiện tham nhũng, tiêu cực trong nội bộ còn hạn chế. Bên cạnh đó, việc thực hiện một số biện pháp phòng ngừa tham nhũng, nhất là chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức theo quy định, còn gặp khó khăn, vướng mắc do yêu cầu về vị trí việc làm, cơ cấu tổ chức, số lượng biên chế và đặc thù nhiệm vụ của từng đơn vị.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2026

1. Tiếp tục triển khai Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; Luật số 132/2025/QH15 sửa đổi một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng; Luật Tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025 và các văn bản có liên quan đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân.

Chú trọng đổi mới, đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng; tiếp tục thực hiện nghiêm các giải pháp phòng, ngừa tham nhũng; tập trung ngăn chặn có hiệu quả và xử lý nghiêm “*tham nhũng vặt*” theo các giải pháp tại Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Tăng cường chỉ đạo hướng dẫn, kiểm tra trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện chế độ tự chủ chi thường xuyên tại đơn vị; đẩy mạnh việc tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập. Tổ chức kiểm tra việc xây dựng định mức, tiêu chuẩn, chế độ thuộc nội dung quy chế chi tiêu nội bộ do các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý ban hành.

3. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính gắn với hoạt động phòng ngừa tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao chất lượng phục vụ, giải quyết thủ tục hành chính; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành để nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết công việc.

4. Chấn chỉnh lề lối làm việc, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có năng lực, đạo đức, kỷ cương, liêm chính. Nâng cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; đồng thời, xử lý nghiêm khi để xảy ra tiêu cực, tham nhũng lãng phí ở cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý.

5. Chỉ đạo cơ quan, đơn vị thực hiện tốt công tác kê khai tài sản, thu nhập năm 2026 để kịp thời phát hiện, kiến nghị xử lý theo quy định; thực hiện các quy định về kiểm soát xung đột lợi ích.

6. Tiếp tục thực hiện kiểm tra, giám sát đối với công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại các phòng chuyên môn thuộc UBND phường. Phối hợp với các cơ quan chuyên môn của tỉnh, Ủy ban kiểm tra Đảng ủy phường tiến hành kiểm tra đối với tổ chức, cá nhân có dấu hiệu tham nhũng, tiêu cực cũng như xem xét xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu trong công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Trên đây là báo cáo kết quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Lý Văn Lâm./.

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND phường;
- CT, các PCT UBND phường;
- Các Ban HĐND phường;
- Đại biểu HĐND phường;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, CV(Ngh).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Văn Vẹn



Phụ lục 01

**KẾT QUẢ VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC 6
THÁNG ĐẦU NĂM 2026**

(Kèm theo Báo cáo số 679/BC-UBND ngày 09/7/2026 của UBND phường)

MS	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LIỆU
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT		
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	6
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	0
3	Số văn bản được bãi bỏ để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	0
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTNTC		
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được tổ chức	Lớp	1
5	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTNTC	Lượt người	68
6	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được xuất bản	Tài liệu	0
	THANH TRA TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ PCTNTC		0
7	Tổng số cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về PCTNTC	Cuộc	
8	Số cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về PCTNTC đã ban hành kết luận	Cuộc	
9	Số đơn vị được thanh tra	Đơn vị	
	Kiến nghị xử lý hành chính		
10	+ Tập thể	tập thể	
11	+ Cá nhân	người	
	Kiến nghị xử lý hình sự		
12	+ Số vụ	vụ	
13	+ Số đối tượng	Đối tượng	
	PHÒNG NGŨA THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
	Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động		
14	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch về tổ chức	CQ, TC, ĐV	0

	và hoạt động		
15	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	0
	<i>Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ</i>		
16	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban hành mới	Văn bản	1
17	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Văn bản	0
18	Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc	0
19	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Vụ	0
20	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Người	0
21	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hành chính	Người	0
22	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự	Người	0
23	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
24	Tổng giá trị vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	0
	<i>Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn</i>		
25	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn	CQ, TC, ĐV	0
26	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	0
27	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	0
28	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
29	Số người bị xử lý do có vi phạm vì xung đột lợi ích	Người	0
30	Số người bị xử lý do có vi phạm về việc kinh doanh trong thời hạn không được kinh doanh sau khi thôi giữ chức vụ	Người	0
	<i>Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn</i>		0
31	Số cán bộ, công chức, viên chức phải thực hiện chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	0
32	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	0

Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt			
33	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	447
34	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	447
35	Số thủ tục hành chính yêu cầu người dân, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ từ 02 lần trở lên	Lượt thủ tục	0
36	Số cuộc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Cuộc	0
37	Số vụ phát hiện vi phạm trong việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Vụ	0
38	Tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (1)	Triệu đồng	0
39	Tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán (2)	%	0
Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn			
40	Số người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ	Người	0
41	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	0
42	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện các quy định về kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	CQ, TC, ĐV	0
43	Số người bị kỷ luật do vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	0
43.1	Số người bị kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực	Người	0
43.2	Số người bị kỷ luật do có vi phạm khác về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	0
PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHƯNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ			
44	Tổng số vụ việc tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Vụ	0
45	Tổng số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Người	0
Qua công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị			
46	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Vụ	
47	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Người	
48	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Vụ	
49	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Người	
50	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng	Vụ	

	phòng, chống tham nhũng, tiêu cực		
	- Trong đó số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra	vụ	
51	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Người	
	- Trong đó số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra	người	
	<i>Qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm toán</i>		Không có
52	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Vụ	
53	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Người	
54	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra	Vụ	
55	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động thanh tra	Người	
56	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Vụ	
57	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Người	
	<i>Qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng</i>		Không có
58	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ việc	
59	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng đã được xem xét	Vụ việc	
60	Số vụ tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ	
61	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	người	
	<i>Qua công tác giải quyết khiếu nại tố cáo</i>		Không có
62	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	
63	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	
	<i>Qua các hoạt động khác (ngoài những hoạt động nêu trên, nếu có)</i>		Không có
64	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua các hoạt động khác	Vụ	

65	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua các hoạt động khác	Người	
	<i>Qua điều tra tội phạm</i>		Không có
66	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	
67	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	
	<i>Bảo vệ, khen thưởng người tố cáo, phát hiện tham nhũng</i>		Không có
68	Số người tố cáo hành vi tham nhũng được được bảo vệ theo quy định của pháp luật về tố cáo	Người	
69	Số người tố cáo hành vi tham nhũng bị trả thù	Người	
70	Số người đã bị xử lý do có hành vi trả thù người tố cáo	Người	
71	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng	Người	
	XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ KHI ĐỂ XẢY RA THAM NHƯNG		Không có
72	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	
73	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	
74	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	
74.1	- Khiển trách	Người	
74.2	- Cảnh cáo	Người	
74.3	- Cách chức	Người	
	XỬ LÝ THAM NHƯNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		Không có
75	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Vụ	
76	Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) trong đó:	Người	
76.1	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng	Người	
76.2	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng	Người	
76.3	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng	Người	
76.4	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng	Người	
77	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	
78	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành	Người	

	chính về hành vi tham nhũng		
79	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	
80	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	
	Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được		
81	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
82	Đất đai	m ²	0
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường		
83	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
83.1	- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp hành chính	Triệu	
83.2	- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp tư pháp	Triệu	
84	Đất đai	m ²	
84.1	- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp hành chính	m ²	
84.2	- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp tư pháp	m ²	
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được		
85	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
86	Đất đai	m ²	0



Phụ lục 02

KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026
 (Kèm theo Báo cáo số 679/BC-UBND ngày 09/7/2026 của UBND phường)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện năm 2025	Kế hoạch của năm 2026	Kết quả thực hiện năm 2026	So sánh kết quả thực hiện 6 tháng năm 2026 so với 6 tháng năm 2025		Ghi chú
						6 tháng năm 2025	kế hoạch năm 2026	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	văn bản						
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản						
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc						
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ						
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	triệu đồng						
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)							
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN							
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng						

1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng						
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN							
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:		636	2.325	1.172	1,84	0,50	
-	Tiết kiệm văn phòng phẩm	triệu đồng	59	336	166,5	2,82	0,50	
-	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	triệu đồng	41	77	43,5	1,06	0,56	
-	Tiết kiệm sử dụng điện	triệu đồng	93	262	116,5	1,25	0,44	
-	Tiết kiệm xăng, dầu	triệu đồng	4	14	7	1,75	0,50	
-	Tiết kiệm nước sạch	triệu đồng	51	147	68	1,33	0,46	
-	Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng	32	173	98	3,06	0,57	
-	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	triệu đồng	49	537	291	5,94	0,54	
-	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	triệu đồng	197	244	144,5	0,73	0,59	
-	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	triệu đồng	62	359	171	2,76	,48	
-	Các khoản khác	triệu đồng	48	176	66	1,38	0,38	
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)			0	0			
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng		0	0			
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:		-	0	0			Tiết kiệm so với dự toán, định mức,
-	Thẩm định, phê duyệt dự toán	triệu đồng		0	0			
-	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng		0	0			

	g thảo hợp	triệu đồng		0	0			tiêu chuẩn hoặc mức khoán chi được duyệt
	Các nội dung khác	triệu đồng		0	0			
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng		0	0			
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng		0	0			
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng		0	0			
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng		0	0			
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng		0	0			
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ			0	0			
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị		0	0			
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị		0	0			
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng		0	0			
4	Các nội dung khác			0	0			
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước			0	0			
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)			0	0			
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc		0	0			
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc		0	0			
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc		0	0			

1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc		0	0			
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng		0	0			
2	Tài sản khác			0	0			
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản		0	0			
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản		0	0			
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng		0	0			
3	Các nội dung khác			0	0			
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng			0	0			
1	Trong đầu tư xây dựng			0	0			
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án		0	0			
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng		6,500	3754		0.58	Tiết kiệm so với dự toán được phê duyệt
-	Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng		6000	3451		0.58	
-	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng		500	303		0.61	
-	Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng		0	0			
-	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng		0	0			
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng		0	0			
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án		0	0			
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ			0	0			
	Số lượng	dự án		0	0			

	<i>Giá trị đầu tư phải thanh toán</i>	triệu đồng		0	0			
2	Trụ sở làm việc			0	0			
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m ²		0	0			
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m ²		0	0			
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m ²		0	0			
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m ²		0	0			
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m ²		0	0			
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng		0	0			
3	Nhà công vụ			0	0			
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m ²		0	0			
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m ²		0	0			
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m ²		0	0			
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m ²		0	0			
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m ²		0	0			
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng		0	0			
4	Các nội dung khác			0	0			
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên			0	0			
1	Quản lý, sử dụng đất			0	0			
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật	m ²		0	0			

1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m ²		0	0			
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	35	0	0	-		
1.4	Các nội dung khác			0	0			
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác			0	0			
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ		0	0			
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng		0	0			
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được			0	0			
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án		0	0			
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng		0	0			
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt			0	0			
4	Các nội dung khác			0	0			
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước			0	0			
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ		0	0			
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng		0	0			
3	Các nội dung khác			0	0			
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp							

Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh

			-	-	-			
1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng		0	0			
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng		0	0			
	Tiết kiệm điện	Kw/h		0	0			
	Tiết kiệm xăng, dầu	Tấn (lít)		0	0			
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng		0	0			
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng		0	0			
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng		0	0			
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng		0	0			
2	Quản lý đầu tư xây dựng		-	-	-			
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án		0	0			
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án		0	0			
2.3	Chi phí đầu tư tiết kiệm được		-	0	0			
	Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng		0	0			
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng		0	0			
	Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng		0	0			
	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng		0	0			
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn		-	-	-			
	Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	dự án		0	0			
	Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	triệu đồng		0	0			
2.5	Các nội dung khác			0	0			
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ		-	-	-			

NSNN								
	Số tiền tiết kiệm được	triệu đồng		0	0			
	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	triệu đồng		0	0			
	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	triệu đồng		0	0			
4	Mua sắm phương tiện		-	-	-			
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con			0	0			
	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc		0	0			
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc		0	0			
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	triệu đồng		0	0			
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	chiếc		0	0			
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng		0	0			
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc		0	0			
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc		0	0			
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng		0	0			
5	Nợ phải thu khó đòi		-	-	-			
	Số đầu kỳ	triệu đồng		0	0			
	Số cuối kỳ	triệu đồng		0	0			
6	Vốn chủ sở hữu			0	0			
	Số đầu năm	triệu đồng		0	0			
	Số cuối kỳ	triệu đồng		0	0			
VIII	Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân		-	-	-			
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa, THTK, CLP	Lượt hộ		0	0			

2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ		0	0			
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THPT, CLP		-	-	-			
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP đã triển khai thực hiện	cuộc		0	0			
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP đã hoàn thành	cuộc		0	0			
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP	cơ quan/tổ chức/đơn vị		0	0			
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THPT, CLP được phát hiện	cơ quan/tổ chức/đơn vị		0	0			
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng		0	0			
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng		0	0			